

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ DƯƠNG

**TỔ CHỨC THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
PHỤC VỤ RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. **NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: TS. **ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI**

Phản biện 2: PGS.TS **LÊ ĐỨC TOÀN**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh phát triển hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 3 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, do yêu cầu nắm bắt nhanh cơ hội kinh doanh nên nhu cầu thông tin cung cấp cho các nhà quản lý trong quá trình sản xuất kinh doanh là một điều không thể thiếu được. Kế toán - một bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý kinh tế - tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Trong môi trường kinh doanh phức tạp, để đưa ra một quyết định quản trị hay một sự lựa chọn trong nhiều phương án thực sự không đơn giản. Để đưa ra quyết định phù hợp, nhà quản trị DN cần đến những thông tin mang tính đặc trưng, được lựa chọn phù hợp với tình huống cần quyết định; đó chính là thông tin KTQT.

Đối với quyết định quản trị, xét về mục tiêu và chiến lược kinh doanh, các quyết định ngắn hạn có ảnh hưởng sâu sắc đến chiến lược dài hạn của một tổ chức, là cơ sở để thực hiện các mục tiêu lâu dài.

Đối với Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng, việc áp dụng KTQT đã được thực hiện từ những năm 2005 và được đánh giá mang lại nhiều lợi ích cho Công ty. Ở Cosevco Đà Nẵng, quyết định quản trị cho các mục tiêu ngắn hạn là hoạt động thường xuyên và tác động lớn đến những thành công lâu dài và khả năng cạnh tranh của Công ty trong điều kiện kinh tế thị trường. Vì vậy, việc tổ chức thông tin KTQT phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn là mang tính cấp thiết ở công ty.

Xuất phát từ những phân tích trên, tôi chọn đề tài: ***“Tổ chức thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng”*** để nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Về lý luận: Đề tài khái quát những vấn đề cơ bản về KTQT và nghiên cứu sâu về tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong DN.

Về thực tiễn: Khảo sát thực tế về đặc điểm và hiện trạng công tác KTQT tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng. Nghiên cứu những biểu hiện đã có cũng như những yêu cầu về thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn của nhà quản trị, từ đó đưa ra các giải pháp về tổ chức thông tin KTQT phục vụ được tốt nhất yêu cầu ra quyết định ngắn hạn tại Công ty.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Thông tin KTQT có vai trò như thế nào đối với việc ra quyết định của nhà quản trị?

- Tổ chức thông tin KTQT như thế nào để phục vụ tốt nhất yêu cầu ra quyết định ngắn hạn ở Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu việc tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu: Bao gồm tất cả các cấp quản trị trong Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng để nghiên cứu các vấn đề một cách toàn diện, có hệ thống và đảm bảo tính logic. Đồng thời sử dụng các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp quan sát thực tế, phỏng vấn trực tiếp, thu thập và xử lý số liệu

- Sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp quy nạp, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp phân tích so sánh... để phân tích vấn đề, đánh giá và rút ra kết luận.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về mặt lý luận: Luận văn đã nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong DN.

Về mặt thực tiễn: Luận văn đề xuất các giải pháp tổ chức thông

tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn ở Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng, góp phần nâng cao chất lượng công tác ra quyết định ngắn hạn cho các nhà quản lý của Công ty.

7. Kết cấu đề tài

Luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức thông tin kế toán quản trị tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài về vấn đề này, tác giả đã tìm hiểu, tham khảo các tài liệu sau:

Giáo trình “*Kế toán quản trị*” (2008), Huỳnh Lợi, Nhà xuất bản Giao thông vận tải. Tác giả đã trình bày một cách hệ thống những vấn đề chung về KTQT; đặc biệt, trong phần thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn, tác giả đã trình bày nhận diện về các thông tin thích hợp và ứng dụng thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh ngắn hạn.

Tác giả Nguyễn Văn Minh, “*Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung*” (2007), luận văn Thạc sĩ kinh tế - chuyên ngành kế toán, Đại học kinh tế, Đà Nẵng. Luận văn đã đề ra những giải pháp để hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin KTQT tại Công ty, cụ thể: Tổ chức hệ thống thông tin dự toán ở các đơn vị thành viên; hoàn thiện cách xử lý thông tin và các biểu mẫu cung cấp thông tin.

Đoàn Xuân Tiên và tập thể Giảng viên Học viện Tài Chính, “*Tổ chức thông tin kế toán quản trị tư vấn cho các tình huống quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp*”(2002), đề tài nghiên cứu khoa học, Hà Nội. Đề tài tập trung chủ yếu hệ thống hóa các loại quyết định ngắn

hạn thường gặp ở các DN, xây dựng và khái quát quá trình thu nhận, xử lý thông tin theo từng loại quyết định ngắn hạn.

Nguyễn Thị Thu Đến, “*Kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong các doanh nghiệp thương mại - Trường hợp Công ty cổ phần ô tô Trường Hải Đà Nẵng*” (2012), Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế Đà Nẵng. Luận văn đã đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác tổ chức KTQT hướng về phục vụ ra quyết định ngắn hạn như: hoàn thiện hệ thống thông tin KTQT, hoàn thiện công tác xử lý và cung cấp thông tin phục vụ ra một số quyết định ngắn hạn.

Đoàn Thị Thanh Thảo, “*Kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại công ty cổ phần Công nghiệp hóa chất Đà Nẵng*” (2013), Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế Đà Nẵng. Luận văn đã đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện hơn về việc vận dụng thông tin KTQT trong ra quyết định ngắn hạn ở Công ty cổ phần công nghiệp hóa chất Đà Nẵng như phân loại lại chi phí theo cách ứng xử, định giá bán linh hoạt, phân tích CVP để đạt được lợi nhuận mục tiêu...

Nhìn chung, các tài liệu trên đã trình bày một cách có hệ thống những vấn đề về KTQT thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong DN. Tuy nhiên, tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn trong DN mà các tác giả đã trình bày còn có hạn chế là chưa phân tích được các tình huống cụ thể. Mặt khác, mỗi DN có những đặc điểm, điều kiện khác nhau, các tình huống đặt ra cần có thông tin làm cơ sở cho ra quyết định ngắn hạn cũng khác nhau. Với đề tài “*Tổ chức thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng*”, tác giả sẽ tham khảo một số ý tưởng ở các đề tài trên và triển khai đề tài theo hướng bám sát những yêu cầu đặt ra về thông tin KTQT cho các quyết định quản trị ở Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ PHỤC VỤ RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm và vai trò của kế toán quản trị

a. Khái niệm kế toán quản trị

Theo Ronaold W. Hilton, Giáo sư Đại học Cornell (Mỹ): “Kế toán quản trị là một bộ phận trong hệ thống thông tin của một tổ chức mà các nhà quản trị dựa vào thông tin đó để hoạch định và kiểm soát hoạt động của tổ chức”.

Theo hiệp hội kế toán Mỹ, KTQT là quá trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập bảng biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban quản trị để lập kế hoạch theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một DN, đảm bảo việc sử dụng hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này.

Theo luật kế toán Việt Nam, KTQT được định nghĩa là “việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán” (Luật kế toán, Khoản 3, Điều 4).

b. Vai trò kế toán quản trị

Cung cấp thông tin cho quá trình xây dựng kế hoạch

Cung cấp thông tin cho quá trình tổ chức thực hiện

Cung cấp thông tin cho quá trình kiểm tra và đánh giá

Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định

1.1.2. Phân loại chi phí theo yêu cầu kế toán quản trị

a. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành hai loại:

- Chi phí sản xuất: là những chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ của DN: chi phí NVLTT, chi phí NCTT và chi phí SXC.

- Chi phí ngoài sản xuất: là những chi phí liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hoặc phục vụ công tác quản lý chung toàn DN. Khoản chi phí này bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

b. Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với báo cáo tài chính

Theo cách phân loại này, chi phí được chia làm 2 loại:

- Chi phí sản phẩm
- Chi phí thời kỳ

c. Phân loại theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán

Theo cách phân loại này, chi phí được chia làm 2 loại:

- Chi phí trực tiếp
- Chi phí gián tiếp

d. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động

- Chi phí khả biến (Biến phí): là các chi phí, xét về lý thuyết, có sự thay đổi tỷ lệ với các mức độ hoạt động.

- Chi phí bất biến (Định phí): là những chi phí, xét về lý thuyết, không có sự thay đổi theo các mức độ hoạt động đạt được.

- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố của định phí và biến phí.

e. Phân theo thẩm quyền được phân cấp trong quản lý

- Chi phí kiểm soát được
- Chi phí không kiểm soát được

f. Các loại chi phí được sử dụng trong việc lựa chọn các phương án

- Chi phí cơ hội: là lợi ích bị mất đi do chọn phương án kinh doanh này thay vì chọn phương án kinh doanh khác.

- Chi phí chênh lệch: được hiểu là phần giá trị khác nhau của các chi phí của một phương án so với phương án khác.

- Chi phí chìm: là những khoản chi phí đã phát sinh, nó có trong tất cả các phương án sản xuất kinh doanh được đưa ra xem xét, lựa chọn.

1.1.3. Nội dung của kế toán quản trị

Theo thông tư 53/2006/TT_BTC, nội dung chủ yếu của KTQT trong DN gồm:

- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng – lợi nhuận
- KTQT chi phí và giá thành sản phẩm
- Lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh
- Lựa chọn thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

1.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ QUY TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Đặc điểm của quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp

Quyết định ngắn hạn là những quyết định mà thời gian hiệu lực dưới một năm. Xét về mặt vốn đầu tư thì quyết định ngắn hạn là các quyết định không đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

Mỗi tình huống trong quyết định ngắn hạn đều ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí trong thời gian được xác định là ngắn hạn, nên phương án lựa chọn là lợi nhuận thu được trong một năm phải cao hơn các phương án khác.

Mỗi tình huống trong quyết định ngắn hạn đều liên quan đến vấn đề sử dụng năng lực hiện thời của DN, không cần thiết phải đầu tư mua sắm thêm tài sản cố định để tăng thêm năng lực sản xuất, năng lực hoạt động.

1.2.2. Quy trình ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp

Quá trình ra quyết định ngắn hạn có thể khái quát qua 6 bước sau:

- a. Xác định vấn đề**
- b. Nghiên cứu các phương án khác nhau**
- c. Thu thập thông tin liên quan đến các phương án**
- d. Đánh giá, lựa chọn phương án và thực thi quyết định**
- e. Kiểm tra việc thực hiện quyết định**
- f. Phản hồi, điều chỉnh quyết định**

1.2.3. Một số quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp

Các quyết định ngắn hạn thường gặp ở các DN phân loại theo các loại hoạt động được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.1: Các quyết định ngắn hạn phân theo lĩnh vực hoạt động

Sản xuất	1. Quyết định tự sản xuất hay mua ngoài lĩnh kiện, bao bì
	2. Quyết định nên bán ngay nửa thành phẩm hay tiếp tục sản xuất ra thành phẩm mới bán
Kinh doanh	1. Quyết định từ chối hay chấp nhận một hợp đồng mua hàng
	2. Quyết định có nên mở rộng kênh phân phối tại một địa điểm mới hay không?
	3. Quyết định giá bán trong điều kiện kinh doanh thay đổi
	4. Quyết định về mức tồn kho
	5. Quyết định tiếp tục hay ngừng kinh doanh một mặt hàng
Tài chính	1. Quyết định về đầu tư tài chính ngắn hạn
	2. Quyết định về mức tín dụng cho các đối tượng khách hàng khác nhau hay các loại mặt hàng khác nhau
Marketing	1. Quyết định về chính sách khuyến mãi
	2. Quyết định về chi phí quảng cáo

1.3. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Thông tin kế toán quản trị - cơ sở cho các quyết định ngắn hạn

a. Thông tin cho quá trình lựa chọn phương án

Trong giai đoạn này, nhiệm vụ chủ yếu của KTQT là xử lý và phân tích thông tin về tất cả các yếu tố có liên quan và đưa ra các phương án có khả năng.

b. Thông tin cho quá trình kiểm tra, kiểm soát thực thi quyết định

Căn cứ vào các thông tin qua các báo cáo KTQT, nhà quản trị kiểm soát quá trình thực hiện đúng và có thể thực hiện điều chỉnh nếu có xảy ra những yếu tố ngoài dự đoán.

c. Thông tin liên quan công tác phản hồi, điều chỉnh

Trong giai đoạn này, KTQT sẽ cung cấp thông tin qua các báo cáo so sánh giữa kế hoạch với thực tế và các báo cáo khác về những vấn đề mới phát sinh, sự thay đổi ngoài dự kiến của môi trường kinh doanh mà có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định.

1.3.2. Tổ chức thông tin kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn

Sau đây là một số trường hợp ra quyết định ngắn hạn dựa vào thông tin KTQT:

a. Quyết định sản lượng sản phẩm sản xuất

Thông tin KTQT phục vụ cho việc ra quyết định sản lượng sản xuất trong năm là mức cung ứng nguyên vật liệu của nhà cung cấp, thông tin về tình hình sản lượng tiêu thụ những năm trước, các hợp đồng đã ký kết và những hợp đồng sắp ký kết, thông tin thị trường, tồn kho đầu kỳ, mức tồn kho mong muốn của DN, KTQT tập hợp những thông tin này cùng với sử dụng kỹ thuật lập dự toán để lập dự toán tiêu thụ.

b. Quyết định tiếp tục hay ngừng kinh doanh một bộ phận hay một mặt hàng

Thông tin KTQT phục vụ cho việc ra quyết định là tình hình sản xuất kinh doanh của các bộ phận hay các mặt hàng trong công ty trong thời gian gần nhất: doanh số, biến phí, định phí, số dư đảm phí, thu nhập của từng bộ phận, hay mặt hàng. Từ đó lập Bảng phân tích chênh lệch lợi nhuận theo các phương án (số dư đảm phí và định phí trực tiếp, định phí gián tiếp)

c. Quyết định nên tự sản xuất hay mua ngoài linh kiện, bao bì

Để có thông tin KTQT ra quyết định này cần sử dụng kỹ thuật tập hợp chi phí và tính giá thành, kỹ thuật phân tích và nhận diện thông tin thích hợp.

d. Quyết định nên bán ngay nửa thành phẩm hay tiếp tục chế biến ra thành phẩm rồi mới bán

Để có thông tin đưa ra quyết định này, KTQT phải xác định và nhận diện thông tin thích hợp, cần lưu ý rằng các chi phí sản phẩm chung đã phát sinh trước thời điểm tách rời để sản xuất các sản phẩm riêng biệt là các chi phí chìm và không thích hợp cho việc ra quyết định.

e. Quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng đối với khách hàng mới

KTQT phải tính được giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp và phân tích chi phí chênh lệch để có cơ sở ra quyết định.

Để có thể đưa ra quyết định, KTQT cần lập bảng phân tích chênh lệch giữa 2 phương án và lựa chọn phương án làm lợi nhuận tăng thêm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

KTQT là một khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho quản trị DN, phần lớn thông tin do KTQT cung cấp nhằm phục vụ chủ yếu cho ra quyết định của nhà quản trị. KTQT giúp các nhà quản trị ra quyết định không chỉ bằng cung cấp các thông tin thích hợp mà còn bằng cách vận dụng các kỹ thuật phân tích vào từng tình huống kinh doanh khác nhau để từ đó giúp nhà quản trị có cơ sở lựa chọn và ra quyết định thích hợp nhất.

Ở chương này, luận văn đã tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về KTQT, đặc điểm và quy trình ra quyết định ngắn hạn trong DN, việc tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra các quyết định ngắn hạn thường gặp trong DN. Đây là những tiền đề lý luận cho việc phân tích thực trạng tổ chức thông tin KTQT tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng và là cơ sở đề xuất các giải pháp tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn phù hợp với điều kiện cụ thể ở Công ty.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

2.1.1. Sự hình thành và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

a. Sự hình thành của Công ty Cổ phần Xi măng Cosevo Đà Nẵng

Tên công ty : Công ty Cổ phần xi măng Cosevo Đà Nẵng

Địa chỉ : Đường 9 –Khu CN Hòa Khánh - Đà Nẵng

Điện thoại : 0511.3730733 hoặc 0511.814574

Ngày 13/11/1996, Bộ Xây dựng quyết định thành lập Nhà máy Xi măng Cosevco Đà Nẵng, trực thuộc Công ty Gạch men Cosevco Đà Nẵng - Tổng công ty xây dựng Miền Trung.

Căn cứ quyết định số 1412/TCT - TCLD ngày 30/09/2003 của Tổng Giám đốc Tổng công ty xây dựng Miền Trung, Nhà máy Xi măng Cosevco Đà Nẵng trực thuộc Công ty sản xuất vật liệu và xây dựng Cosevco I - Tổng công ty xây dựng Miền Trung.

Căn cứ quyết định số 2290/QĐ - BXD, ngày 14/12/2005 của Bộ xây dựng về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Nhà máy Xi măng Cosevco Đà Nẵng thành Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng.

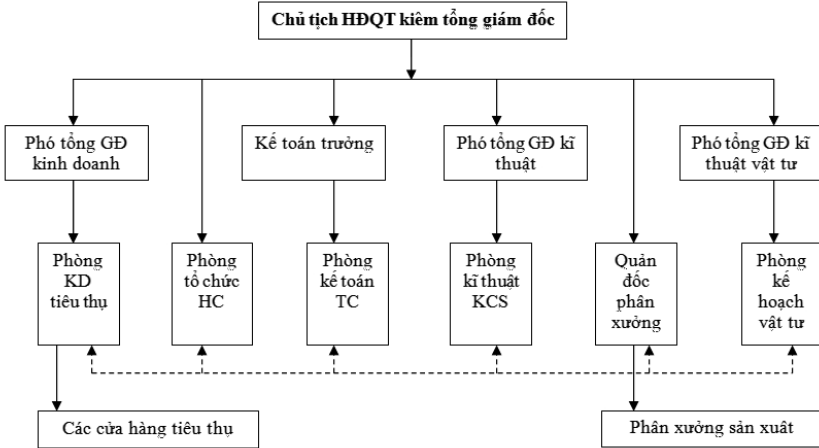
b. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng được thành lập với chức năng chính là sản xuất và phân phối sản phẩm xi măng. Sản phẩm đầu tiên là xi măng PCB 30, tháng 10/2008 Công ty tiếp tục cho ra sản phẩm mới là PCB 40. Sau nhiều năm hoạt động, Cosevco Đà Nẵng mở rộng thêm lĩnh vực: nhận đơn đặt hàng gia công cho xi măng Hoàng Thạch, tận dụng xe tải của Công ty để cung cấp dịch vụ vận tải.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty

a. Khái quát bộ máy quản lý ở Công ty

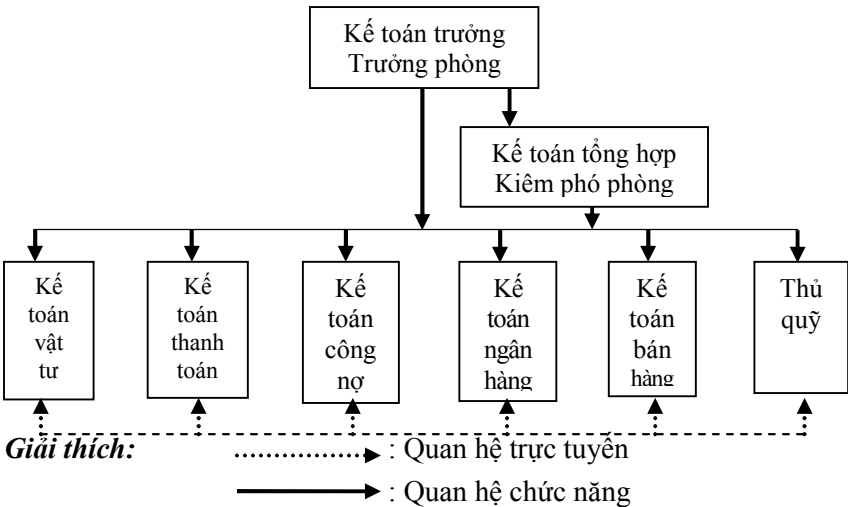
Bộ máy quản lý ở Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng được khái quát qua sơ đồ sau:



b. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

a. Cơ cấu bộ máy kế toán ở Công ty



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng

b. Chức năng, nhiệm vụ các phần hành

2.2. TỔ CHỨC THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

2.2.1. Khái quát kế toán quản trị và các quyết định ngắn hạn tại Công ty

a. Khái quát kế toán quản trị tại Công ty

Bộ máy kế toán và công tác kế toán ở Công ty được tổ chức còn nặng về KTTC. Các công việc thuộc phạm vi KTQT như dự toán sản xuất kinh doanh, lập báo cáo KTQT được thực hiện, nhưng chưa thật đầy đủ, sâu sắc, chưa phân tích nguyên nhân chênh lệch giữa dự toán và thực hiện phục vụ kiểm soát.

Các phòng ban lập báo cáo thủ công, chưa có phần mềm hệ thống thông tin liên kết nên việc nhập liệu, xử lý thông tin và truyền tải thông tin trong Công ty chưa nhanh chóng, khoa học. Có thể khái quát một số nội dung chính thuộc KTQT ở Công ty như sau:

❖ **Xây dựng định mức, lập dự toán**

Công ty xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và rất quan tâm đến việc lập dự toán như lập dự toán sản lượng tiêu thụ, dự toán chi phí sản xuất, dự toán chi phí bán hàng, dự toán chi phí quản lý DN và được tiến hành theo năm.

❖ **Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Chi phí được phân loại và tập hợp theo từng khoản mục

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các sản phẩm xi măng PCB 30, xi măng PCB 40.

- **Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Toàn bộ chi phí NVL trực tiếp được tập hợp vào “TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, tài khoản này được mở thêm chi tiết để theo dõi từng đối tượng tập hợp chi phí là sản phẩm xi măng PCB 30 và xi măng PCB 40:

- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp trên TK 622 và phân bổ cho từng loại sản phẩm theo số lượng sản phẩm hoàn thành

- Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo khoản mục, cuối tháng, chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho 2 loại xi măng PCB 30 và xi măng PCB 40 theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

Để đơn giản trong việc tính toán, hiện nay Công ty không xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

❖ Phân tích, kiểm soát chi phí

Thông tin phục vụ kiểm soát chi phí được tổ chức từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành, bao gồm: xây dựng định mức và lập dự toán chi phí, tổ chức luân chuyển chứng từ và tập hợp chi phí, trên cơ sở đó tổ chức các báo cáo phục vụ kiểm soát chi phí.

Việc tập hợp chi phí NVLTT, chi phí NCTT và chi phí SXC có qui trình tổ chức, phân công phân nhiệm chặt chẽ và được xét duyệt, kiểm tra đối chiếu thường xuyên. Chính vì vậy, kế toán ở Công ty dễ dàng nhận diện được chi phí phát sinh. Ngoài ra, Công ty rất quan tâm đến việc lập dự toán, đánh giá việc hoàn thành kế hoạch cũng góp phần kiểm soát được chi phí.

b. Đặc điểm các quyết định ngắn hạn tại Công ty

Các quyết định ngắn hạn khá đa dạng và thường xuyên xảy ra tại Công ty như quyết định giá bán sản phẩm, quyết định bán nợ cho khách hàng, quyết định sản lượng sản xuất... Thông tin để ra quyết định trên chủ yếu dựa vào các kế hoạch, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, đa số là sử dụng thông tin dự toán.

Một số tình huống ra quyết định ngắn hạn thường gặp tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng như sau:

❖ Quyết định sản lượng sản xuất trong năm

Thông tin KTQT cung cấp để ra quyết định sản lượng sản xuất năm dựa trên cơ sở thông tin dự toán tiêu thụ, cùng với thông tin khách hàng, các hợp đồng đã ký kết, dự đoán về tình hình tiêu thụ xi măng trong năm tới phục vụ cho việc ra quyết định sản lượng sản xuất.

❖ **Định giá bán sản phẩm sản xuất**

Thông tin KTQT phục vụ ra quyết định giá bán sản phẩm là thông tin giá thành dự toán theo phương pháp toàn bộ, là cơ sở để xác định giá bán sản phẩm, ra quyết định về giá bán sản phẩm ở Công ty.

❖ **Quyết định mức tín dụng cho khách hàng**

Thông tin KTQT phục vụ ra quyết định mức tín dụng cho khách hàng là thông tin về doanh số bán hàng, thông tin công nợ chi tiết theo từng khách hàng, qui định bán nợ, bảng chi tiết về qui định bán nợ, nhà quản trị dựa vào các thông tin này để ra quyết định thu hồi nợ, ra quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng mới của khách hàng.

❖ **Quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công đơn đặt hàng**

Để có thông tin phục vụ ra quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công đơn đặt hàng, kế toán sử dụng kỹ thuật lập dự toán chi phí sản xuất cho đơn hàng mới của khách hàng, thu thập thông tin về giá thuê ngoài gia công để từ đó lập bảng phân tích chênh lệch giữa 2 phương án.

2.2.2. Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cosevco Đà Nẵng

a. Lập dự toán tiêu thụ và ra quyết định sản lượng sản xuất trong năm

❖ **Lập dự toán tiêu thụ**

Căn cứ vào dự toán tiêu thụ nêu trên, Công ty sẽ lập kế hoạch sản xuất, số lượng sản phẩm cần sản xuất trong năm cũng chính là số lượng sản phẩm tiêu thụ theo kế hoạch trong năm đó.

b. Dự toán giá thành sản xuất và ra quyết định về giá bán

❖ **Dự toán giá thành sản xuất**

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm xi măng PCB 30 và xi măng PCB 40 được sản xuất theo chu trình khép kín.

Phương pháp lập: Hiện tại phòng Kế toán tài chính tính giá thành theo phương pháp toàn bộ, giá thành kế hoạch được xác định như sau:

Giá thành đơn vị kế hoạch = Định mức NVL+ Định mức NCTT+ Dự toán CP SXC đơn vị sản phẩm xi măng

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp: căn cứ vào định mức nhân công trực tiếp tính chung trên 1 tấn xi măng cho hai loại sản phẩm xi măng PCB 30 và xi măng PCB 40

- Dự toán chi phí sản xuất chung: căn cứ vào tình hình thực hiện của năm trước làm căn cứ lập dự toán chi phí của năm sau.

- Dự toán chi phí bán hàng:

Dự toán chi phí bán hàng năm 2013: các chi phí ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ tăng thêm 20% so với thực tế chi phí bán hàng năm 2012.

- Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Dự toán chi phí quản lý năm 2013: các chi phí quản lý ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí thuế, lệ phí tăng thêm 10% so với thực tế chi phí quản lý năm 2012. Chi phí khấu hao TSCĐ năm 2013 bằng với thực tế năm 2012.

❖ Quyết định về giá bán

Giá bán dự kiến cho 1 tấn xi măng được xây dựng dựa vào giá thành sản xuất, cộng thêm chi phí bán hàng, chi phí quản lý và lợi nhuận mong muốn (2 % giá thành sản xuất) tính trên 1 tấn xi măng.

c. Ra quyết định mức tín dụng đối với khách hàng

Để ra quyết định mức tín dụng đối với khách hàng, Công ty căn cứ vào chính sách chung về điều kiện bán nợ, đồng thời cũng căn cứ vào chiến lược kinh doanh hiện tại của Công ty.

Để có thông tin nhằm quản lý công nợ một cách hiệu quả, Công ty cần lập bảng phân tích các khoản nợ khách hàng.

d. Quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công đơn đặt hàng

Thông tin KTQT phục vụ ra quyết định này là thông tin cung

cấp từ bảng dự toán chi phí sản xuất sản phẩm, thông tin chi phí chênh lệch giữa hai phương án. Từ những thông tin đó, nhà quản trị Công ty sẽ lựa chọn phương án mang lại lợi nhuận lớn hơn.

2.3. ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ Ở CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

Kế toán ở Công ty đã cung cấp được các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn thường xuyên xảy ra tại Công ty như quyết định sản lượng sản xuất, quyết định giá bán, quyết định tín dụng, quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công đơn đặt hàng.

Công ty đã chú trọng đến việc lập kế hoạch, dự toán riêng cho từng loại sản phẩm, xây dựng định mức chi phí nguyên nhiên vật liệu.

Giá bán dự kiến cho sản phẩm được Công ty xây dựng dựa vào giá thành sản xuất, cộng thêm chi phí bán hàng, chi phí quản lý và lợi nhuận mong muốn nên đảm bảo giá bán bù đắp được chi phí và đạt lợi nhuận mong muốn.

Công ty đã áp dụng kỹ thuật lập dự toán và phân tích chênh lệch các phương án để có thông tin phục vụ ra quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công sản phẩm đối với những đơn đặt hàng đặc biệt.

2.3.2. Những tồn tại

Dự toán về chi phí đã được chi tiết theo từng loại chi phí, nhưng chưa tách được các khoản chi phí theo định phí và biến phí.

Hiện tại, việc xét duyệt tín dụng của Công ty chỉ dừng lại ở việc xem xét các thông tin chung về điều kiện bán nợ. Trong hoạt động bán nợ, Công ty chưa xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của khách hàng thông qua việc phân tích tình hình tài chính của khách hàng.

Quyết định lựa chọn phương án tự sản xuất hay thuê ngoài gia công đơn hàng mới, kế toán Công ty không phân tích và nhận diện

thông tin thích hợp và không thích hợp, nhận diện chi phí chìm, loại bỏ chi phí giống nhau giữa các phương án.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua nghiên cứu thực tế tại Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng, luận văn đã trình bày thực trạng tổ chức thông tin KTQT với việc ra quyết định ngắn hạn tại Công ty như quyết định sản lượng sản xuất, quyết định giá bán, quyết định mức tín dụng, quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công sản phẩm. Trong công tác quản trị, Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng đã vận dụng được một số kỹ thuật của KTQT như việc xây dựng đỉnh mức, kỹ thuật lập dự toán, phân tích chênh lệch giữa các phương án. Tuy nhiên, việc tổ chức thông tin phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty vẫn còn có những tồn tại như đã nêu trong nội dung của Chương. Để nâng cao chất lượng thông tin KTQT phục vụ việc ra quyết định ngắn hạn, ở chương 3 sẽ đề cập các giải pháp khắc phục những tồn tại được nêu trên.

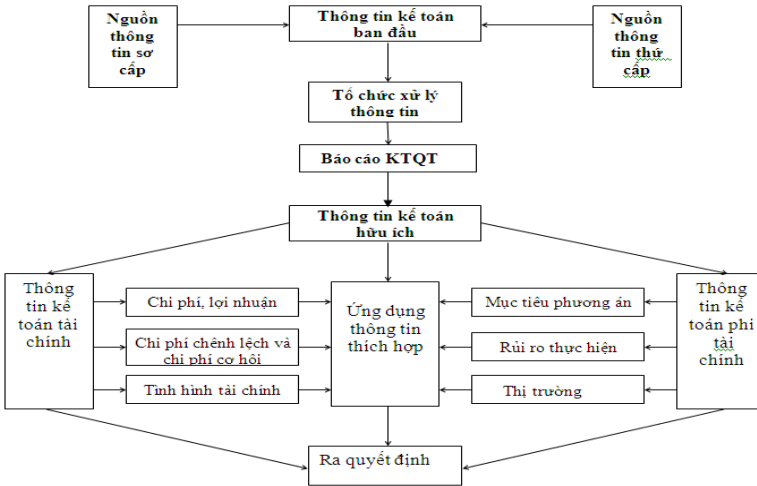
CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ PHỤC VỤ RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

3.1. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ LẬP BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN Ở CÔNG TY CP XI MĂNG COSEVCO ĐÀ NẴNG

3.1.1. Hoàn thiện công tác xử lý thông tin liên quan đến các quyết định ngắn hạn

Quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng cần được đảm bảo theo quy trình sau:



Sơ đồ 3.1: Quy trình xử lý và cung cấp thông tin tại Cosevco Đà Nẵng

3.1.2. Hoàn thiện báo cáo KTQT cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định ngắn hạn

Để cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định quản trị hiệu quả thì hệ thống KTQT có thể kết hợp với hệ thống KTTC để hình thành hệ thống thông tin thống nhất và hệ thống thông tin đó cần phải được tổ chức gắn với các trung tâm trách nhiệm thông qua các báo cáo trách nhiệm. Mỗi trung tâm trách nhiệm phải lập các báo cáo trách nhiệm, các báo cáo trách nhiệm này sẽ đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Các trung tâm này sẽ là hệ thống cung cấp thông tin cho các cấp quản lý từ thấp đến cao và đồng thời nhận các thông tin từ các cấp quản lý để thực thi nhiệm vụ.

Sau đây là minh họa một số trường hợp cụ thể ở Công ty

a. Trung tâm doanh thu

❖ Bảng phân tích nợ

Phòng Kế hoạch kinh doanh sẽ lập báo cáo công nợ khách hàng, qua báo cáo này sẽ cung cấp thông tin cho nhà quản trị quyết định chấp nhận đơn đặt hàng mới của khách hàng.

Trở lại với tình huống ra quyết định mức tín dụng cho khách

hàng ở mục 2.2.2, chương 2, Công ty cần bổ sung bảng Phân tích nợ. Bảng phân tích nợ: nhằm xác định số dư nợ khách hàng đến thời điểm báo cáo công nợ, trong đó thể hiện rõ hạn mức nợ, thời gian nợ của khách hàng.

❖ Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cần lập Sổ chi tiết bán hàng để theo dõi bán hàng theo từng khách hàng, mặt hàng và từng địa phương. Sổ này sẽ giúp nhà quản trị nắm bắt được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm theo từng khách hàng và từng địa phương. Trên cơ sở đó sẽ giúp nhà quản trị Công ty dự đoán được tình hình tiêu thụ sản phẩm của từng khu vực theo thời gian.

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng ... năm...

Khách hàng	Xi măng PCB 30		Xi măng PCB 40		Tổng cộng	
	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Tỉnh, Thành phố						
Tổng cộng						

Kế toán trưởng

Người lập

❖ Dự toán sản xuất

Khi lập kế hoạch sản xuất, cần quan tâm đến số dư tồn kho cuối kỳ, số dư tồn kho đầu kỳ mong muốn nhằm dự đoán được tương đối số lượng sản phẩm cần sản xuất.

STT	CHỈ TIÊU	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Ghi chú
	Số lượng SP tiêu thụ						
	Số lượng SP tồn kho cuối kỳ						
	Tổng nhu cầu sản phẩm						
	Số lượng SP tồn kho đầu kỳ						
	Số lượng SP cần sản xuất						

b. Trung tâm chi phí

Báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu: nhằm so sánh lượng tiêu hao nguyên vật liệu giữa thực tế và định mức, xác định nguyên nhân chênh lệch nhằm kiểm soát được chi phí nguyên vật liệu phát sinh.

BÁO CÁO TIÊU HAO NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: ...

STT	Tên, quy cách NVL	Định mức	Thực tế	Chênh lệch		Nguyên nhân
				Số lượng	Thành tiền	

Trong trường hợp nguyên vật liệu vượt định mức để sản xuất sản phẩm thì phiếu xuất kho phần vật liệu đó phải lập riêng và giải trình lý do vượt định mức.

3.2. HOÀN THIỆN TỔ CHỨC THÔNG TIN KTQT PHỤC VỤ RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TẠI CÔNG TY

3.2.1. Sử dụng giá thành kế hoạch theo phương pháp trực tiếp và quyết định giá bán theo phương pháp trực tiếp

Trước hết, cần phân loại chi phí theo cách ứng xử. Theo cách phân loại này sẽ giúp nhà quản trị dễ dàng quản lý chi phí, theo dõi các biến động của chi phí gắn với sự biến động của sản lượng.

Từ việc phân loại chi phí theo biến phí và định phí, có thể xây dựng lại dự toán chi phí tại đơn vị, từ đó tính lại giá thành kế hoạch theo công thức sau:

Giá thành kế hoạch	=	Định mức NVL trực tiếp	+	Định mức nhân công trực tiếp	+	Biến phí sản xuất chung
--------------------	---	------------------------	---	------------------------------	---	-------------------------

Xác định giá bán theo phương pháp trực tiếp:

CHI PHÍ NỀN		CHI PHÍ TĂNG THÊM			=
Chi phí khả biến	+	Chi phí bất biến	+	Lãi	
Giá thành đơn vị KH	Biến phí BH & QLDN	Định phí SXC	Định phí bán hàng & QLDN	Lợi nhuận mong muốn	Giá bán đơn vị kế hoạch

3.2.2. Tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công

Để ra quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công thì thông tin KTQT cần được cung cấp đó là nhận diện được thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp đối với phương án tự sản xuất hay thuê ngoài gia công. Để có thông tin thích hợp phục vụ ra quyết định, trước hết cần phân loại chi phí theo cách ứng xử và lập lại bảng phân tích chênh lệch.

3.2.3. Tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định tín dụng đối với khách hàng

Trong hoạt động bán nợ, Công ty cần phải xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của khách hàng thông qua việc phân tích tài chính của khách hàng dựa trên các báo cáo tài chính với các chỉ tiêu:

- Hệ số tự tài trợ

Hệ số tự tài trợ = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$

Hệ số này càng cao chứng tỏ mức độ độc lập về mặt tài chính của DN càng cao.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành

Khả năng thanh toán hiện hành = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$

Hệ số này cho biết khả năng hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn của DN bằng tài sản ngắn hạn hiện có.

- Hệ số khả năng thanh toán tức thời

Khả năng thanh toán tức thời = $\frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$

3.2.4. Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận phục vụ ra quyết định ngắn hạn

Trong hoạt động kinh doanh luôn phát sinh các định phí nhất định. Hoạt động kinh doanh vì thế trước hết phải xem xét doanh thu có bù đắp biến phí, tạo ra mức chênh lệch để tiếp tục bù đắp định phí hay không. Vấn đề này đặt ra cho các nhà quản trị quan tâm đến cả giá bán, số lượng hàng bán trong mục tiêu chung về lợi nhuận của DN. Phân tích mối quan hệ chi phí - sản lượng - lợi nhuận để ra quyết định thì phải lấy mục tiêu của DN đặt lên hàng đầu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, đề tài đề xuất một số giải pháp về hoàn thiện thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng. Cụ thể là đề xuất quy trình xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn, hoàn thiện báo cáo KTQT, thực hiện phân loại chi phí theo cách ứng xử để sử dụng giá thành theo phương pháp trực tiếp, sử dụng các thông tin thích hợp cho các tình huống ra quyết định, ứng dụng phân tích chi phí - sản lượng - lợi nhuận cho việc ra quyết định.

Qua các giải pháp trên, thông tin sẽ được tổng hợp và phân tích một cách nhanh chóng, có hệ thống nhằm phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn kịp thời và chính xác; giúp nhà quản trị Công ty có được thông tin làm căn cứ ra quyết định ngắn hạn như quyết giá bán trên cơ sở giá thành tính theo phương pháp trực tiếp, quyết định tín dụng, quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công...

KẾT LUẬN

Đề tài tập trung chủ yếu hệ thống hóa các loại quyết định ngắn hạn, các tình huống ra quyết định ngắn hạn thường gặp trong DN và tìm hiểu thực trạng áp dụng KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại Công ty CP xi măng Cosevco Đà Nẵng, đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn tại công ty.

Xuất phát từ mục đích nghiên cứu của luận văn, kết quả đạt được của luận văn này:

Tập hợp các cơ sở lý luận về KTQT và quyết định quản trị làm tiền đề, cơ sở cho hoạt động phân tích thực trạng sử dụng thông tin KTQT ra quyết định ngắn hạn ở Công ty CP xi măng Cosevco Đà Nẵng.

Tìm hiểu về thực trạng tổ chức thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn ở Công ty CP xi măng Cosevco Đà Nẵng như quyết định sản lượng sản xuất, quyết định về giá bán sản phẩm và quyết định tín dụng, quyết định tự sản xuất hay thuê ngoài gia công.

Trên cơ sở thực tế, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện hơn về việc vận dụng thông tin KTQT phục vụ ra quyết định ngắn hạn ở Công ty CP xi măng Cosevco Đà Nẵng như phân loại lại chi phí theo cách ứng xử, định giá bán linh hoạt, phân tích CVP để đạt được lợi nhuận mục tiêu...

Kết quả của luận văn góp phần giúp cho các cấp quản trị tại Công ty nhận thức rõ ràng hơn vai trò KTQT, nghiên cứu thực tế vận dụng KTQT phục vụ các tình huống ra quyết định.

Tuy nhiên, bởi sự hạn chế về kiến thức và thời gian nghiên cứu nên luận văn chắc chắn còn nhiều điểm thiếu sót, tác giả mong nhận được các ý kiến góp ý từ quý Thầy, Cô và các nhà kinh tế cũng như các bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.